

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 01 năm 2022
Về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Thanh Hải – Ông Trần Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 300/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1991; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 15, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Nơi ở hiện nay: Tổ 10, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1982; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 15, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái vào ngày 05 tháng 6 năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N mãi chơi, không tu chí làm ăn, không có đóng góp gì cho kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải, hai

bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Chị H và anh N đã ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N.

Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Chi M, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2015 và cháu Nguyễn Hữu Phúc, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2017. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con không yêu cầu anh Nguyễn Hữu N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Nguyễn Hữu N vắng mặt, không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Hữu N có hộ khẩu thường trú tại tổ 10, phường Nguyễn Thái Học thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Hữu N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn với anh Nguyễn Hữu N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H trình bày, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N mãi chơi, không tu chí làm ăn, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm tH xuyên xảy ra tranh cãi mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh N vắng mặt không lý do, không có ý kiến với yêu cầu khởi của chị H, thể hiện anh N không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu N có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Chi M, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2015 và cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2017, khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M, cháu P và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị H là chính đáng. Anh N không có ý kiến gì đối với việc nuôi con chung nên giao cháu M, cháu P cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Do chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên anh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chị H, anh N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Hữu N.
2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Chi M, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2015 và cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2017, cho đến khi cháu M, cháu P đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi cháu M, cháu P và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0000116, ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái (Chị H đã nộp đủ tiền án phí).
4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP.Yên Bái;
- Chi cục THADS TP.Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND P.Minh Tân, TP.Yên Bái;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền